

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa;

Ngày 14 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 07/10/2022 về: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30/01/2023; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị S, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Giang, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

Hiện là Giáo viên trường Mầm non xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đơn nguyên đơn Hà Thị S:

Bà: Phan Thị Nhung –Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn S, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Giang, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị S và anh Lương Văn S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/01/2014 đến Ủy ban nhân dân xã XC, huyện Thường Xuân làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 12/3/2014 hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 01 (một) năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2015, anh S đi làm ăn xa, ít khi về nhà thường xuyên chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống. Năm 2020 hai bên gia đình nội, ngoại có khuyên giải để vợ chồng bảo ban nhau làm ăn nhưng anh S vẫn không thay đổi, anh S vẫn uống rượu, chơi bời có hôm đi qua đêm không về, có lần anh Sơn còn xúc phạm chị S. Chị là Giáo viên đi làm xa nhà nên cuối tuần chị mới về, thời gian đầu còn về bên bố, mẹ chồng. Thời gian anh S đi làm thì chị về với bố mẹ đẻ. Anh S đi làm ở Bắc Ninh thì thoảng mới về thăm mẹ con chị, anh S có đón chị về bên nội ở nhưng chị không về. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Lương Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lương Tuấn H, sinh ngày: 23/9/2014, vợ chồng ly hôn, chị xin được nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm:

Về hôn nhân: Chị S và anh S kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị S và anh S không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Lương Tuấn H, sinh ngày: 23/9/2014, cháu H còn nhỏ hiện đang ở với mẹ. Xét về công việc, thu nhập thì chị Sa hiện tại là Giáo viên thu nhập ổn định hơn nữa cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại các Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Về phần kết hôn chị Hà Thị S trình bày anh Lương Văn S đồng ý, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc được một thời gian ngắn, chị S làm giáo viên Mầm Non ở xã LK, chị S thường ở lại trường cuối tuần mới về, do hai vợ chồng ở xa nhau nên có vài thắc mắc hiểu nhầm nhau, bản thân anh cũng có ham chơi nhưng do còn trẻ nên suy nghĩ chưa thấu đáo, anh S đã xin lỗi vợ bỏ qua để vợ chồng chung sống nuôi dạy con, gia đình hai bên cũng khuyên giải cho vợ chồng bảo nhau làm ăn, thời gian do covid không đi làm xa được, đến

02/2022 anh S đi làm ở Bắc Ninh cho đến nay thì thoải mái về, khi về thì sang bên ngoại với vợ con, bảo vợ con về nhà nhưng chị S vẫn không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không lớn nên anh S đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lương Tuấn H, sinh ngày: 23/9/2014, hiện tại cháu H đang ở với chị S, chị S quyết tâm ly hôn, anh S tôn trọng ý kiến của cháu H, cháu H muốn ở cùng mẹ thì anh S đồng ý, anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản; công nợ: Chị Hà Thị S và anh Lương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/12/2022, chị Hà Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa chị Hà Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, trường hợp vắng mặt anh Lương Văn S tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh S, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét thấy việc anh S vắng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Hà Thị S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lương Văn S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2].*Về hôn nhân:* Chị Hà Thị S và anh Lương Văn S, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị S là có cơ sở, mâu thuẫn giữa chị S và anh S kéo dài, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau.

Ngày 12/12/2022 chị S đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị S và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị S, anh S đã sống ly thân từ tháng 05/2022 đến nay, trong thời gian ly thân mỗi người tự lo cho cuộc sống của riêng mình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích của hôn nhân không đạt được, ngày 12/12/2022 chị S có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải mà giải quyết cho chị S được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị S.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lương Tuấn H, sinh ngày: 23/9/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với mẹ, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với cả bố, mẹ.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Hà Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng xin nuôi con của chị S là hoàn toàn chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với mẹ, được mẹ chăm sóc tốt. Về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh sống, điều kiện phát triển tốt về thể chất, đảm bảo việc học tập cũng như sinh hoạt, không làm sáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Tại Biên bản hòa giải ngày 09/12/2022 chị Hà Thị S xin nuôi cháu H, anh S đồng ý và cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000đồng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị S trình bày hiện tại chị có công việc, thu nhập ổn định nên chị S có đủ điều kiện nuôi cháu H, chị S không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD, giao cháu H cho chị Hà Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Hà Thị S về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản; công nợ*: Chị Hà Thị S và anh Lương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Hà Thị S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh Lương Văn S vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị S.

Về hôn nhân: Chị Hà Thị S được ly hôn anh Lương Văn S.

Về con chung: Giao cháu Lương Tuấn H, sinh ngày: 23/9/2014 cho chị Hà Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị S không yêu cầu anh

Lương Văn S cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Hà Thị S và anh Lương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị S đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015428 ngày 07/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị S phải nộp.

Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị S, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2023). Anh Lương Văn S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- UBND xã Xuân Chinh;
- Dương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích HP;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Tâm